TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Nguyễn Văn Kiểm
2. Ông Đinh Công Mỹ

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Đoàn Thị Oanh – Thư ký Toà án nhân huyện Tân Yên.

**** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bộ– Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST -HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2017/QĐST – HNGĐ ngày 13/9/2017(Ấn định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1992(Có mặt)
Cư trú: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Xóm T, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

* Bị đơn: Anh Trần Văn T - sinh năm 1991(Vắng mặt)

Cư trú: Khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2017 của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Trần Văn T trước khi kết hôn có tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2012 tại UBND thị trấn C, huyện T. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu nhà anh T và chung sống cùng bố mẹ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy và không quan tâm đến gia đình. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 01/4/2014 đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn là anh Trần văn T đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Ngày 17/7/2017 tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 186/TB-TLVA, ngày 12/7/2017 cho anh Trần Văn T. Ngày 18/8/2017 tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 06/QĐ-CCTLCC, ngày 18/8/2017 đối với anh Trần Văn T về Thông báo yêu cầu giao nộp văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ và giấy triệu tập. Ngày 23/8/2017 tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 186/TB-TA ngày 22/8//2017 đối với anh Trần Văn T. Ngày 25/8/2017 tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 186/TB-TA ngày 25/8/2017 đối với anh Trần Văn T. Ngày 30/8/2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/8/2017 của TAND huyện T đối với anh Trần Văn T. Ngày 13/9/2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt và lập biên bản tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 13/9/2017 của TAND huyện T đối với anh Trần Văn T. Anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Văn T không làm việc với Tòa án về những vấn đề liên quan vụ án mà anh Trần Văn T là bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2017 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ anh Trần Văn T thì được biết: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Trần Văn T ngày 26/10/2012 tại UBND thị trấn C, huyện T và chị H về làm dâu nhà bà Đ. Thời gian đầu chị H, anh T chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con là Trần Bảo N, sinh ngày 01/4/2014. Vợ chồng chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy. Vợ chồng chị H, anh T ly thân với nhau từ ngày 24/6/2017. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nếu chị H xin ly hôn thì bà Đ đồng ý vì tình cảm vợ chồng chị H, anh T không thể hàn gắn được.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí và anh T không có mặt để thỏa thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, đương sự giữ nguyên ý kiến và không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

Con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 01/4/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với anh Trần Văn T nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy và vợ chồng không quan tâm đến nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị H, anh T xác nhận có 01 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 01/4/2014 chị H đang nuôi dưỡng, xét theo nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng của hai bên thấy rằng: Hiện nay chị H, anh T đều đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Khi giải quyết vụ án về ly hôn này cần xem xét đến quyền lợi của các bên đương sự nhất là quyền lợi mọi mặt của trẻ em và việc giải quyết về nuôi dưỡng con chung trong vụ án này cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Ngọc ổn định, phát triển. Hiện nay cháu N đang ở ổn định với chị H và mới trên 36 tháng tuổi, không thể thiếu sự chăm sóc của người mẹ nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H và giao cháu Trần Bảo N cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu N. Anh Trần Văn T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: do chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: chị H, anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 1, khoản 2 Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 01/4/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T được quyền thăm nom con. Chị H và các thành viên gia đình không ai được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0003770 ngày 12/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Dương